

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN TIN THAN NGÀY**

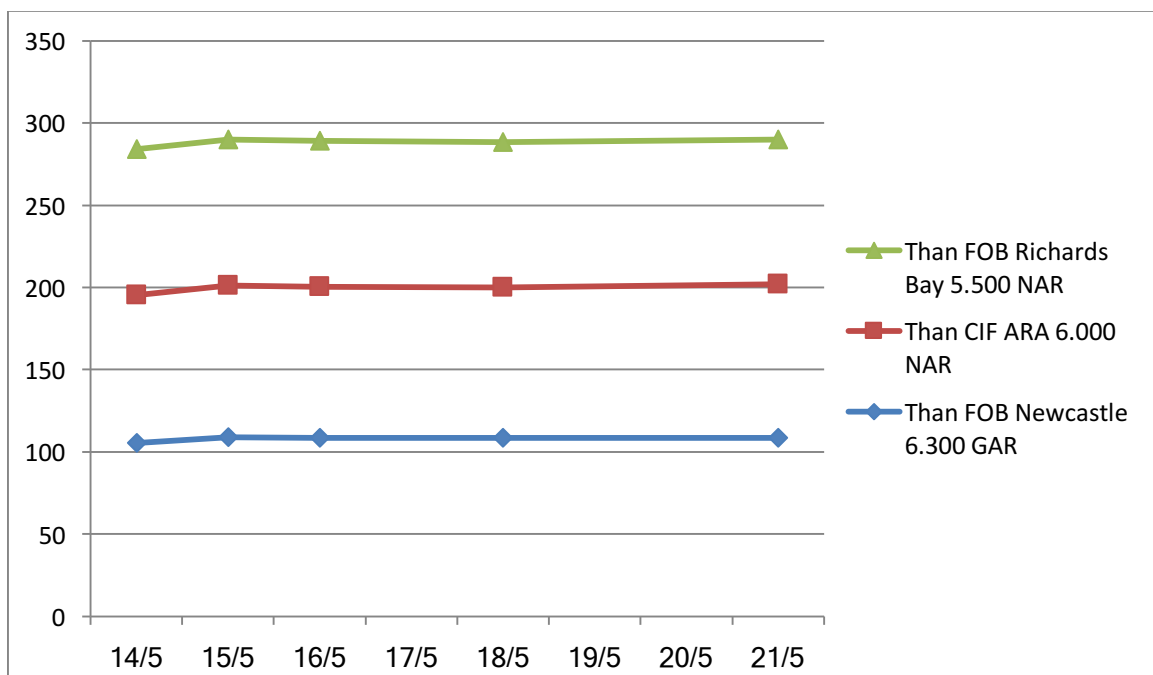
Ngày 24/05/2018

**CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI**

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	108,40	-0,90	107,70	-1,40
CIF ARA 6.000 NAR	93,35	+0,65	91,80	+0,10
FOB Richards Bay 5.500 NAR	88,30	+0,05	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	80,25	+1,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	64,00	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	54,05	+0,05	343,99	+1,16
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	72,55	+0,05	461,73	+1,45
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	86,80	+0,30	552,43	+3,27

**GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018**



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 21/05/2018)

## **ĐIỂM TIN**

### **Giá than Nam Phi tiếp tục tăng cao do nguồn cung khan hiếm**

Trong ngày thứ 3, thông tin NMNĐ Eskom phải mua than nhập khẩu cộng với nguồn cung trong nước khan hiếm và giá thầu cao, đã khiến giá than Nam Phi tiếp tục giữ ở mức cao. Giá Platts 7-45 ngày than Nam Phi 5.500 kcal/kg NAR, điều kiện FOB Richard Bay đã giữ ở mức cao kể từ cuối tháng 3, đến ngày 22/5, loại than này đã đạt đỉnh ở mức 89,60 USD/tấn, tăng từ 76,10 USD/tấn hồi cuối tháng 3. Mức giá tăng kỉ lục đã khiến khách hàng Nam Á khó tiếp cận với than Nam Phi. Trong thời điểm hiện tại hầu như không có nhu cầu mua than Nam Phi giao lẻ, tất cả các chuyến hàng than xuất khẩu từ cảng Richard Bay đều thuộc về các hợp đồng dài hạn. Giá than Nam Phi cao đã gia tăng chênh lệch với tất cả các nguồn than khác, trong đó Mỹ, Australia, và Indonesia trở thành các đối thủ cạnh tranh lớn tại thị trường Nam Á. Một công ty lớn trên thị trường cho biết đã không cân nhắc mua than Nam Phi trong 3 giao dịch gần đây nhất, than Nga, Mỹ và Colombia nhiệt trị cao đều có giá rẻ hơn, công ty này cũng cho biết giá chào hàng cho than Nam Phi 6.000 kcal/kg NAR ở mức 122 USD/tấn, điều kiện FOB. Loại than Nam Phi có nhiệt trị thấp, được sử dụng chủ yếu bởi các NMNĐ tại Nam Á - được điều chỉnh từ giá than 6.000 kcal/kg NAR – cũng không được chiết khấu nhiều.

Nguyên nhân ban đầu khiến giá than Nam Phi tăng là do mưa tại một số mỏ than lớn của nước này, cộng với việc phối trộn các loại than khác để bù đắp cho loại than không thể khai thác do mưa dẫn đến thiếu hụt tất cả các loại than. Thêm vào đó hồi đầu tháng 5 Eskom đã phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt nguồn cung than nội địa (loại than có nhiệt trị thấp hơn so với than xuất khẩu) và phải mua thêm từ 3 đến 11 triệu tấn than nhập khẩu. Mặc dù vậy khả năng Eskom có thể mua thêm than vẫn còn để ngỏ do tất cả giao dịch của Tập đoàn này đều phải được Bộ Tài chính Nam Phi phê duyệt, mức giá được chấp thuận có thể sẽ khó đáp ứng được giá trên thị trường. Các chuyên gia ngành than tại Nam Phi cho biết loại than mà Eskom yêu cầu hiện tại thị trường không sẵn có. Cách duy nhất để Eskom giải quyết được vấn đề này là đưa ra mức giá phù hợp với thị trường, tuy nhiên than xuất khẩu hay than trong nước hiện nay đều có giá rất cao. Đối với than trong nước, Eskom thường mua với giá dao động trong khoảng 16 USD/tấn, trong khi đó theo Platts, giá than 5.500 kcal/kg NAR trong khoảng 87,65 USD/tấn hôm thứ 3 vừa qua.

### **Than Mỹ thâm nhập thị trường Châu Âu**

Các công ty than Mỹ hiện đang nỗ lực giành thị phần tại thị trường Amsterdam – Rotterdam – Antwerp nhờ giá tương đối thấp. Tuy nhiên nhu cầu thấp, các vấn đề tại cảng biển và các công ty Mỹ vẫn đang đàm phán được nhiều hợp đồng dài hạn, những điều này khiến khối lượng than bán vào thị trường này khó có khả năng tăng đột biến. Than được khai thác tại khu vực trung tâm Appalachian (CAPP) hiện nay đều đã được đặt hàng đến Châu Âu. Hiện tại các công ty than Mỹ đang cố gắng khai thác ưu thế giá thấp trên thị trường Châu Âu, nhưng thực tế ngoài các hợp đồng mua bán than đã được ký kết, sẽ rất khó để các công ty Mỹ xuất khẩu than khối lượng lớn sang Châu Âu. Một công ty tại Châu Âu cho biết các nhà sản xuất than Mỹ rất lạc quan với giá than hiện tại, tuy nhiên hoài nghi về khả năng cung cấp than của Mỹ cho thị trường Châu Âu, trong khi than lưu huỳnh thấp từ Colombia và Nga đang có ưu thế hơn. Các công ty tại Châu Âu hiện đã có đủ lượng dự trữ than trong kho, điều này lý giải tại sao mặc dù than CAPP tương đối rẻ nhưng nhu cầu vẫn không cao.

Các công ty tại Châu Âu chủ yếu phối trộn các loại than lưu huỳnh cao của Mỹ với than lưu huỳnh thấp của Nga và Colombia. Một công ty Bắc Châu Âu cho biết, do vấn đề về logistic tại cảng biển phía Đông Mỹ, và nhu cầu thấp từ các công ty Bắc Châu Âu, khả năng than CAPP khối lượng lớn xuất sang Châu Âu là rất thấp. Trong thứ 6 ngày 18/5, giá S&P Global Platts 15-60 ngày cho than Mỹ 6.000 kcal/kg ở mức 74,31 USD/tấn, FOB Baltimore và 91,70 USD/tấn, điều kiện CIF ARA. Một công ty ở Mỹ đã định giá vận chuyển bằng tàu Panamax từ khu vực US East Coast đến Rotterdam ở mức 12,50 USD/tấn. Trong năm 2017, Mỹ đã xuất khẩu 9,89 triệu tấn than sang Châu Âu, chiếm khoảng 32% tổng sản lượng than xuất khẩu của Mỹ. Theo số liệu của S&P Global Platts cFlow, trong 127 tàu cập cảng Rotterdam từ đầu năm 2018 đến nay, có 29 tàu từ Mỹ.

*(Nguồn: www.platts.com)*

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

<b>Cỡ tàu</b>	<b>Điểm xuất phát</b>	<b>Điểm đến</b>	<b>Cước phí</b>	<b>Đơn vị: USD/tấn Thay đổi</b>
<b>Capesize</b>	Úc	Trung Quốc	9,25	+0,15
(150.000 tấn)	Queensland	Nhật Bản	10,70	+0,15
	New South Wales	Hàn Quốc	11,35	+0,15
<b>Panamax</b>	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,35	-0,15
(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,60	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,35	-0,15
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,05	+0,00
	Úc	Trung Quốc	13,00	+0,00
	Úc	Ấn Độ	14,55	+0,00

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 21/05/2018)